TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MINH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏa, ông Lý A Tỏn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lâm Thái Hùng là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Nùng Xuân Dỉ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2022/TLST-HS ngày 25/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 14/4/2022 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn L, sinh năm 1987, tại xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1957; vợ: Vàng Thị S, sinh năm 1984, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt ngày 11/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1982, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 21/9/2021 bị Công an xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 30/11/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội trộm cắp tài sản. Hiện đã được

xóa án tích; bị cáo bị bắt ngày 11/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn L:* Bà Nguyễn Thị Lan là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vàng Thị S, sinh năm 1984; trú tại: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị S. Có mặt; ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Văn K. Vắng mặt.

+ Người phiên dịch tiếng dân tộc Tày: Ông Nguyễn Văn Huấn, sinh năm 1990, Trú tại: Thôn Nà Tèn, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Ngày 10/11/2021 bị cáo L rủ rê bị cáo Q thuê xe ô tô đi xuống huyện B để mua ma túy về sử dụng, đến ngày 11/11/2021 Q góp 27.500.000đ, L góp 6.500.00đ, L là người cầm tiền và trực tiếp liên lạc với người bán ma túy ở huyện B để đặt mua ma túy với giá là 34.000.000đ, L và Q đi theo chỉ dẫn của người bán ma túy đi đến khu vực thôn V, xã V, huyện B Luynh để số tiền 34.000.000đ mua ma túy dưới gốc cây ổi, đặt tiền xong L và Q lên xe, L gọi điện thông báo cho người bán ma túy đã đặt tiền xong, sau đó người này chỉ dẫn L di chuyển lên qua mốc H8/5 xuống dốc quan sát sang bên phải dưới mương cạn bên cạnh đường để lấy gói ma túy, L một mình xuống xe lấy được gói ma túy cất vào túi áo rồi lên xe di chuyển về hướng thị trấn V. Khi đi được khoảng 2km L bảo lái xe dừng lại L và Q xuống xe lấy gói ma túy ra kiểm tra và sử dụng ma túy, sau đó cả hai lên xe đi về Y. Trên đường về L gọi điện thoại cho Nguyễn Văn K, đến nhà L lấy 01 chiếc cân tiểu ly mang ra nhà Q cho L. Đến 19 giờ 30 phút tại đoạn đường thuộc thôn N, xã M, khi nhìn thấy lực lượng chức năng đang làm việc, Hoàng Văn L xuống xe đi về phía đuôi xe ô tô, do sợ bị phát hiện nên L lấy 02 túi nilon màu đen đựng ma túy từ trong túi áo vứt ra phía sau xuống khu vực nền đất ven đường thì bị tổ công tác Công an huyện Y phát hiện lập biên bản bắt quả tang. Quá trình khám xét bắt quả tang thu giữ của 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng nghi là ma túy heroine và số tiền 8.540.000đ tiền Việt Nam, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, 01 điện thoại di động Iphone S; 01 túi ni lông màu trắng đã qua sử dụng và 93.000đ tiền Việt Nam.

Ngày 11/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Yên Minh đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn Q phát hiện thu giữ 01 lọ nhựa màu trắng, có nắp vặn cùng màu, đường kính 2cm x cao 6cm, bên ngoài lọ có dán tem nhãn có dòng chữ "TERPIN-CODEIN" bên trong có 01 gói nilon màu hồng, kích thước (2x1,3) cm, bên trong có chất dẻo màu đen và 01 gói bằng vỏ bắp ngô, kích

thước (2x4) cm, bên trong có chất dẻo màu đen, nghi là thuốc phiện; khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn L không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại Kết luận giám định số: 437/KL-PC09, ngày 16/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định ký hiệu A1 là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,036g; Không phát hiện chất ma túy trong mẫu chất dẻo màu đen gửi giám định ký hiệu A2; Chất dẻo màu đen gửi giám định ký hiệu A3 là ma túy, loại Thuốc phiện, có khối lượng 0,913g; Chất bột màu trắng dạng cục gửi giám định ký hiệu A4, A5 là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 24,318g.

Ngày 19/11/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Minh tiến hành kiểm tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone tạm giữ của Hoàng Văn L. Do L không cung cấp được mật khẩu, cung cấp mật khẩu không đúng sau nhiều lần truy cập sai mật khẩu dẫn đến điện thoại bị khóa không truy cập vào điện thoại được, màn hình điện thoại hiển thị dòng chữ "Iphone bị vô hiệu hóa".

Tại Kết luận giám định số: 342/KL-PC09, ngày 19/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận về đối tượng giám định: 29 tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Tại cơ quan điều tra bị can Hoàng Văn L và Nguyễn Văn Q đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-YM ngày 24/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Văn Q về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn L từ 07 năm đến 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 07 năm đến 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; về hình phạt bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng đối với các bị cáo do không có thu nhập ổn định.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo L không tranh luận

chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Q tranh luận xin giảm nhẹ hình phạt vì có mẹ già, có 01 con bị tật nguyền mong muốn sớm trở về đoàn tụ với gia đình để chăm sóc con cái và mẹ già.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với việc trả lại chiếc xe máy là phương tiện đi lại của gia đình, không có tranh luận đối đáp gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo L có quan điểm: Việc điều tra truy tố xét xử bị cáo L theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của BLHS là đúng người đúng tội, tuy nhiên khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhân thân tốt đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo L 06 năm 06 tháng tù; về hình phạt bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng vì bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định; về án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo vì là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí; về vật chứng để nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo L số tiền 93.000^{đ}, 01 điện thoại di động Iphone S, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 23B1-19765; đối với các vật chứng khác đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên có quan điểm việc người bào chữa cho bị cáo L và các bị cáo đồng tình với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh điều khoản truy tố và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt điều đó khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo ra trước Tòa án là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật; Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo L về áp dụng hình phạt 06 năm 06 tháng đối với bị cáo L là không tương xứng vì trọng lượng ma túy của bị cáo tàng trữ rất lớn gần bằng mức định lượng theo quy định tại khoản 3 của Điều 249 Bộ luật Hình sự, do vậy Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị về mức hình phạt; đối với ý kiến của người bào chữa về đề nghị trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo L, Viện kiểm sát không nhất trí vì đây là phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội do vậy cần phải tịch thu sung quỹ; đối với ý kiến của bị cáo Q cho rằng gia đình có 01 con bị tật nguyền, có mẹ già nên xin giảm nhẹ hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ Luật Hình sự.

Người bào chữa và các bị cáo giữ nguyên quan điểm không tranh luận đối đáp gòi thêm

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sơ xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều hợp pháp; Về tính hợp pháp của các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều được đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó Các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Văn K. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận vào hồi 19 giờ 30 phút ngày 11/11/2021 bị cáo Hoàng Văn L và bị cáo Nguyễn Văn Q đang có hành vi tàng trữ 24,354g ma túy loại heroine thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra bị cáo Q khai nhận tàng trữ tại nhà 0,913g ma túy loại thuốc phiện bị cơ quan điều tra khám xét thu giữ.

[4] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám xét, sơ đồ, bản ảnh khám xét, biên bản thực nghiệm điều tra. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bởi lời khai của người làm chứng Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn N và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 19 giờ 30 phút ngày 11/11/2021 Hoàng Văn L và Nguyễn Văn Q đang có hành vi tàng trữ 24,354g ma túy loại heroine thì bị phát hiện bắt quả tang tại thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn Q tại thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang còn thu giữ được 0,913g ma túy loại thuốc phiện.

[5] Hành vi nêu trên của các bị cáo Hoàng Văn L Nguyễn Văn Q đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý chất ma túy, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết xã hội nhất định nên có thể nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với bất kỳ mục đích nào đều bị pháp luật xử lý mặt khác nhà nước ta đang ra sức tuyên truyền về tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và hệ lụy khôn lường của nó, nhưng vì mong muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên các bị cáo đã tàng trữ trái phép 24,354g gam ma túy loại heroine, ngoài ra bị cáo Q còn tàng trữ thêm 0,913g ma túy loại thuốc phiện. Hành vi của nêu trên của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng nhân dân là tiền đề phát sinh của các tội phạm khác, hệ lụy do ma túy gây ra ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, làm suy giảm khả năng lao động. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và là đồng phạm giản đơn trong vụ án. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Hoàng Văn L là người chủ động khởi xướng và trực tiếp liên lạc với người bán ma túy và góp 6.500.000đ để đi mua ma túy; đối với bị cáo Nguyễn Văn Q khi được bị cáo L rủ rê đã đồng ý mua 05 chỉ ma túy với giá 27.500.000đ và còn bỏ tiền thuê xe taxi để cùng L đi mua ma túy nên bị cáo Q là đồng phạm đóng vai trò tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ 24,354g ma túy loại heroin. Ngoài ra, khi khám xét nhà của bị cáo Q còn thu giữ được 0,913g ma túy loại thuốc phiện, bị cáo Q khai đã mua từ lâu để làm thuốc cho trâu bò, do vậy bị cáo Q phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ 24,354g ma túy loại heroin và 0,913g ma túy loại thuốc phiện; Đối với bị cáo Q có nhân thân không tốt vì ngày 30/11/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội trộm cắp tài sản, hiện đã được xóa án tích và có 01 tiền sự: ngày 21/09/2021 bị Công an xã M, huyện Y xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi lượng hình cần căn cứ vào vai trò mức độ phạm tội của từng bị cáo để có mức án tương xứng, cụ thể bị cáo L là người khởi xướng, chủ động rủ rê bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội do vậy cần có mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Q; đối với bị cáo Q là người giúp sức tích cực cho bị cáo L như cho bị cáo L vay tiền, bỏ tiền ra để thuê xe để cùng L đi mua ma túy, ngoài ra còn một mình tàng trữ thêm ma túy là 0,913g thuốc phiện do vậy cần có mức án tương xứng nhưng thấp hơn so với bị cáo L.

[7] Về tình tiết định khung tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, các bị cáo đều là dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế; mặt khác bị cáo L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo Q có 01 con bị tàn tật đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

[9] Về hình phạt bổ sung: Do hiện tại các bị cáo không công việc, tài sản và thu nhập ổn định, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[10] Trong vụ án này có người đàn ông ở huyện B không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể là người L đã liên lạc mua ma túy nhưng quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Đối với 02 người đàn ông nhận tiền của L và Q ở thôn V, xã V, huyện B nhưng Luynh và Quang không gặp mặt trực tiếp và quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Đối với Nguyễn Văn Nghĩa là lái xe taxi nhãn hiệu "*fotuner*" mang biển kiểm soát 23A - 04485 được L và Q thuê chở để đi mua ma túy nhưng khi thuê xe L nói là đi thăm người thân ở B, N không biết L và Q đi mua ma túy nên không xem xét xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Đối với Nguyễn Văn K là người được L gọi điện thoại nhờ lấy cân tiểu ly từ nhà L mang ra nhà Nguyễn Văn Q để chia ma túy nhưng K không biết L lấy cân để làm gì nên không xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn K. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[14] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Hoàng Văn L, ngày 12/11/2021 Công an huyện Yên Minh đã phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu đối với Hoàng Văn L. Kết quả xét nghiệm trong nước tiểu của L có chứa chất ma túy nhóm: MOP *(Morphine)*. Công an huyện Yên Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000^{đ} *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* đối với Hoàng Văn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Khoản 1, Điều 23, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ là thỏa đáng. Hội đồng xét xử thấy thỏa đáng nên không xem xét giải quyết.

[15] Đối với Nguyễn Văn Q khai nhận có hành vi sử dụng ma túy cùng với Hoàng Văn L nhưng ngày 12/11/2021 Công an huyện Yên Minh đã phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu đối với Nguyễn Văn Q. Kết quả xét nghiệm trong nước tiểu của Q cho kết quả âm tính. Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Minh xét thấy không đủ căn cứ xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn Q về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên không xem xét giải quyết.

[16] Về vật chứng: Cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, để xử lý như sau:

[16.1] Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng vì không có giá trị sử dụng và là vật nhà nước cấm tàng trữ gồm: 01 (một) phong bì màu trắng niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi *"Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2, A3"*, mặt sau phong bì có 02 (hai) hình tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi *"Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A4, A5"*, mặt sau phong bì có 02 (hai) hình tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong kín. Mặt trước phong bì ghi "các vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu B1", mặt sau phong bì

có 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Yên Minh và chữ ký, chữ viết, điểm chỉ của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng niêm phong kín. Mặt trước phong bì ghi "các vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu B2", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Yên Minh và chữ ký, chữ viết, điểm chỉ của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng niêm phong kín. Mặt trước phong bì ghi "các vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu B3", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Yên Minh và chữ ký, chữ viết, điểm chỉ của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) túi nilon màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) cân điện tử màu đen (dạng cân tiểu ly), kích thước (13 x 8 x 2) cm, đã qua sử dụng, không kiểm tra hoạt động của cân.

[16.2] Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội là: 01 (một) điện thoại di động màu trắng, có ký hiệu Iphone S, cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra hoạt động của máy thu giữ của bị cáo Hoàng Văn L.

[16.3] Trả lại tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội gồm: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q vật chứng gồm: Số tiền 8.540.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng có gắn 01 ốp nhựa màu trắng đã ố vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q; trả lại cho gia đình bị cáo Hoàng Văn L 01 (một) xe máy biển kiểm soát 23B1-197…, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn cam - đen, xe đã qua sử dụng, người nhận là bà Vàng Thị S, sinh năm 1984; trú tại: Thôn C, xã D, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Luynh số tiền 93.000^{đ} đã thu giữ của bị cáo.

[17] Về án phí cần áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000^{đ} án phí hình sự sơ thẩm; Do bị cáo Hoàng Văn L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đã có đơn xin miễn án phí nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L.

[18] Quan điểm của người bào chữa về áp dụng mức phạt đối với bị cáo L là 06 năm 06 tháng là không tương xứng với hành vi của bị cáo; đối với đề nghị về trả lại chiếc điện thoại Iphone S cho bị cáo L là không có căn cứ vì đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[19] Do vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn L, Nguyễn Văn Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 11/11/2021.

Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 07 (bảy) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 11/11/2021.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam các bị cáo Hoàng Văn L, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) phong bì màu trắng niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi *"Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2, A3"*, mặt sau phong bì có 02 (hai) hình tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi *"Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A4, A5"*, mặt sau phong bì có 02 (hai) hình tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong kín. Mặt trước phong bì ghi "các vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu B1", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Yên Minh và chữ ký, chữ viết, điểm chỉ của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng niêm phong kín. Mặt trước phong bì ghi "các vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu B2", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Yên Minh và chữ ký, chữ viết, điểm chỉ của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng niêm phong kín. Mặt trước phong bì ghi "các vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu B3", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Yên Minh và chữ ký, chữ viết, điểm chỉ của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) túi nilon màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) cân điện tử màu đen (dạng cân tiểu ly), kích thước (13 x 8 x 2) cm, đã qua sử dụng, không kiểm tra hoạt động của cân.

Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động màu trắng, có ký hiệu Iphone S, cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra hoạt động của máy thu giữ của bị cáo Hoàng Văn L.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q vật chứng gồm: Số tiền 8.540.000^{đ} (tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng có gắn 01 ốp nhựa màu trắng đã ố vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q.

Trả lại cho gia đình bị cáo Hoàng Văn L 01 (một) xe máy biển kiểm soát 23B1-19765, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn cam - đen, xe đã qua sử dụng, người nhận là bà Vàng Thị S, sinh năm 1984; trú tại: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn L số tiền 93.000đ (chín mươi ba nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh)

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cho bị cáo Hoàng Văn L.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Yên Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạng